

Số: 253 /QĐ-UBND

Nhà Bè, ngày 05 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả kỳ tuyển dụng viên chức
ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Huyện về tổ chức tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023;

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023 tại Báo cáo số 2174/BC-HĐTDVC ngày 03 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả của 135 thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023, có 110 thí sinh trúng tuyển và 25 thí sinh không trúng tuyển (danh sách đính kèm).

Điều 2. Giao Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thông báo kết quả đến từng thí sinh có tên trong danh sách nêu trên theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên trong danh sách đính kèm Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Huyện: CT, các PCT;
- Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2023;
- VP.HĐND&UBND Huyện: CVP, TH;
- Lưu: VT, PNV, t. 12

CHỦ TỊCH



Triệu Đỗ Hồng Phước



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Công nhận kết quả kỳ tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 253 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện)

Stt	Họ và tên	SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả	
			Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
1	Nguyễn Phương Hồng	Hạnh	28	22	12	1992	x	Trường Mầm non Đồng Xanh	Giáo viên mầm non			80.0	80.0	Trúng tuyển
2	Nguyễn Thị Minh	Diệu	27	3	1	1980	x	Trường Mầm non Đồng Xanh	Giáo viên mầm non			69.0	69.0	Không trúng tuyển
3	Nguyễn Hương	Giang	2	1	9	2002	x	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Giáo viên mầm non			79.0	79.0	Trúng tuyển
4	Phan Thị Hồng	Ngọc	1	4	6	1990	x	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Giáo viên mầm non			75.0	75.0	Không trúng tuyển
5	Nguyễn Lữ Phương	Tuyền	3	11	7	1994	x	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Văn thư			85.0	85.0	Trúng tuyển
6	Huỳnh Hồng	Hạnh	4	19	11	1991	x	Trường Mầm non Hòa Mĩ	Văn thư			66.0	66.0	Không trúng tuyển
7	Trương Thị Ngọc	Dăng	5	12	4	2002	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non	ĐT2	5	83.0	88.0	Trúng tuyển
8	Lê Thị Diệu	Hiền	8	23	8	1996	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non			85.0	85.0	Trúng tuyển
9	Dương Thị Ngọc	Hương	7	22	3	2002	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non			76.0	76.0	Trúng tuyển
10	Trần Ngọc Kim	Châu	6	27	4	1996	x	Trường Mầm non Hoa Sen	Giáo viên mầm non			70.0	70.0	Trúng tuyển
11	Hồ Thị Ánh	Vân	16	20	7	1995	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non			95.0	95.0	Trúng tuyển
12	Phạm Thị Ngọc	Phương	17	18	10	2000	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non			95.0	95.0	Trúng tuyển
13	Võ Thị Thu	Hương	15	13	2	1993	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non			80.5	80.5	Trúng tuyển
14	Mai Thùy	Dương	12	9	6	2000	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non			80.0	80.0	Trúng tuyển
15	Hồ Nhật Mỹ	Uyên	13	5	10	2000	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non			80.0	80.0	Trúng tuyển
16	Trần Thị Diễm	Trinh	9	11	6	1995	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non			75.0	75.0	Không trúng tuyển
17	Lê Tuyết	Hồng	10	20	5	1993	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non			50.0	50.0	Không trúng tuyển
18	Trương Thị Minh	Thảo	11	25	4	1992	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non			45.0	45.0	Không trúng tuyển
19	Lương Thị Hồng	Thùy	14	25	10	1999	x	Trường Mầm non Hướng Dương	Giáo viên mầm non			45.0	45.0	Không trúng tuyển
20	Trần Thị Kim	Yến	20	1	9	1997	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non			82.5	82.5	Trúng tuyển
21	Phạm Thị Hồng	Thắm	21	7	11	1998	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non			70.0	70.0	Trúng tuyển
22	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22	16	11	1998	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non			54.0	54.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
23	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	18	9	7	1995	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non			49.0	49.0	Không trúng tuyển
24	Nguyễn Thu	Trang	19	6	11	1982	x	Trường Mầm non Sao Mai	Giáo viên mầm non			45.0	45.0	Không trúng tuyển
25	Lê Hồ Hải	Yến	24	30	5	1988	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non			90.0	90.0	Trúng tuyển
26	Phạm Thị Ngọc	Giàu	25	15	12	1996	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non			77.0	77.0	Trúng tuyển
27	Lê Thị Kim	Hoàn	23	13	1	1996	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non			70.0	70.0	Trúng tuyển
28	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	26	2	10	1994	x	Trường Mầm non Tuổi Hoa	Giáo viên mầm non			69.0	69.0	Trúng tuyển
29	Phạm Thành	Trung	33	5	8	2001		Trường Tiểu học Bùi Văn Ba	Giáo viên dạy nhiều môn			96.0	96.0	Trúng tuyển
30	Huỳnh Thị Tú	Trình	34	28	5	1999	x	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Giáo viên dạy nhiều môn			72.0	72.0	Trúng tuyển
31	Nguyễn Thị Phương	Dung	35	21	12	1994	x	Trường Tiểu học Dương Văn Lịch	Văn thư			89.0	89.0	Trúng tuyển
32	Bùi Thị Mai	Trâm	36	9	10	1991	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy nhiều môn			68.7	68.7	Trúng tuyển
33	Nguyễn Thị Kim	Thùy	37	3	8	1998	x	Trường Tiểu học Lê Lợi	Giáo viên dạy tiếng Anh			65.0	65.0	Trúng tuyển
34	Nguyễn Tăng Ngọc	Dung	39	18	12	1997	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy Thể dục			80.0	80.0	Trúng tuyển
35	Nguyễn Thị Kim	Cúc	40	19	6	1998	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy Tiếng Anh			75.0	75.0	Trúng tuyển
36	Đường Hoàng Khánh	Linh	38	9	12	2001	x	Trường Tiểu học Lê Quang Định	Giáo viên dạy nhiều môn			63.0	63.0	Trúng tuyển
37	Hồ Thị Tú	Trình	45	1	12	1996	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn			90.0	90.0	Trúng tuyển
38	Phạm Ngọc Đan	Mai	42	31	5	1995	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn			77.0	77.0	Trúng tuyển
39	Nguyễn Huỳnh	Như	44	15	12	1998	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn			71.0	71.0	Trúng tuyển
40	Nguyễn Thị Hương	Lài	43	27	7	1993	x	Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn			67.0	67.0	Trúng tuyển
41	Nguyễn Phương	Quan	41	5	3	1981		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy nhiều môn			66.0	66.0	Trúng tuyển
42	Trần Hữu	Tinh	47	21	12	1991		Trường Tiểu học Lê Văn Lương	Giáo viên dạy Thể dục			83.0	83.0	Trúng tuyển
43	Nguyễn Minh	Hải	51	4	12	2001		Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn			81.0	81.0	Trúng tuyển
44	Nguyễn Thị Thùy	Linh	50	9	7	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn			78.0	78.0	Trúng tuyển
45	Bùi Thị Hồng	Vân	52	19	1	1995		Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn			72.0	72.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
46	Trần Thị Ngọc	Huyền	49	18	6	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy nhiều môn			57.0	57.0	Không trúng tuyển
47	Nguyễn Văn	Thắng	48	1	5	1993		Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Giáo viên dạy Tiếng Anh			65.0	65.0	Trúng tuyển
48	Nguyễn Thị	Trang	54	19	7	1989	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Kế toán	ĐT2	5	95.0	100.0	Trúng tuyển
49	Nguyễn Thị	Son	55	1	10	1992	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Kế toán			90.0	90.0	Không trúng tuyển
50	Phan Thị	Ngân	56	10	10	1992		Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Kế toán			80.0	80.0	Không trúng tuyển
51	Tổng Thị Mỹ	Hương	53	25	12	1989	x	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	Công nghệ thông tin			60.0	60.0	Trúng tuyển
52	Trần Thủy	Phượng	58	21	8	1998	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn			95.0	95.0	Trúng tuyển
53	Nguyễn Thị Kim	Chi	60	22	12	1994	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn			88.0	88.0	Trúng tuyển
54	Trần Thị	Hoa	59	12	2	1985	x	Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn			79.0	79.0	Trúng tuyển
55	Lê Văn	Toàn	57	2	3	1995		Trường Tiểu học Nguyễn Hồng Thê	Giáo viên dạy nhiều môn			64.0	64.0	Trúng tuyển
56	Lê Huỳnh Thanh	Ngân	64	7	6	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn			99.0	99.0	Trúng tuyển
57	Lê Dương Thủy	Linh	62	24	1	1999	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn			94.0	94.0	Trúng tuyển
58	Trương Phạm Nhật	Minh	63	7	11	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn			94.0	94.0	Trúng tuyển
59	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	61	23	11	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy nhiều môn			73.0	73.0	Trúng tuyển
60	Nguyễn Quốc	Huy	65	1	12	1995		Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy thể dục			91.0	91.0	Trúng tuyển
61	Huỳnh Thị Kim	Lan	66	27	1	1998	x	Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Giáo viên dạy thể dục			52.3	52.3	Trúng tuyển
62	Nguyễn Thanh	Tú	67	12	1	1988		Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Y tế			90.0	90.0	Trúng tuyển
63	Cao Ngọc Phương	Quyên	68	18	12	1997	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Giáo viên dạy nhiều môn			80.0	80.0	Trúng tuyển
64	Trương Thị Mỹ	Anh	69	3	3	1995	x	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Tạo	Giáo viên dạy tiếng Anh			70.0	70.0	Trúng tuyển
65	Nguyễn Ngọc Mỹ	Thuyền	73	8	11	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn			90.0	90.0	Trúng tuyển
66	Hồ Thị	Tinh	72	28	6	1995	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn			65.0	65.0	Trúng tuyển
67	Trần Thị Tuyết	Trinh	74	28	3	2001	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn			55.0	55.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
68	Trịnh Thị Diễm	Sương	71	20	9	1996	x	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	Giáo viên dạy nhiều môn			54.0	54.0	Trúng tuyển
69	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	75	2	1	2001	x	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy nhiều môn			85.0	85.0	Trúng tuyển
70	Hồ Thị Thanh	Phương	76	30	1	1995	x	Trường Tiểu học Tạ Uyên	Giáo viên dạy Tiếng Anh			80.0	80.0	Trúng tuyển
71	Hà Thị Thanh	Ngân	29	3	1	2001	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn			75.0	75.0	Trúng tuyển
72	Huỳnh Thị Anh	Thư	30	25	9	1999	x	Trường Tiểu học Trần Thị Ngọc Hân	Giáo viên dạy nhiều môn			57.3	57.3	Không trúng tuyển
73	Đào Thị Bảo	Anh	31	14	8	1999	x	Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy Tiếng Anh			80.0	80.0	Trúng tuyển
74	Nguyễn Hoàng	Vũ	32	4	2	1998		Trường Tiểu học Trang Tấn Khương	Giáo viên dạy Thể dục			60.7	60.7	Trúng tuyển
75	Nguyễn Thị Như	Phương	131	12	12	1998	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Lịch sử			80.0	80.0	Trúng tuyển
76	Phạm Đoàn Khánh	Huy	132	12	6	2001		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Sinh học			63.0	63.0	Trúng tuyển
77	Trần Nhật	Tân	134	20	5	2000		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Tiếng Anh			71.0	71.0	Trúng tuyển
78	Lâm Thanh	Ngọc	133	9	3	1994	x	Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Tiếng Anh			40.0	40.0	Không trúng tuyển
79	Nguyễn Quốc	Sinh	136	25	5	1985		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Toán			73.0	73.0	Trúng tuyển
80	Bùi Ánh	Try	135	15	11	1976		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Giáo viên dạy Toán			35.0	35.0	Không trúng tuyển
81	Hoàng Văn	Vũ	137	1	1	1983		Trường Trung học cơ sở Hai Bà Trưng	Công nghệ thông tin			65.0	65.0	Trúng tuyển
82	Trần Thị	Phương	81	10	10	1994	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Ngữ văn			75.0	75.0	Trúng tuyển
83	Nguyễn Thùy	Phương	79	25	1	1999	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy tiếng Anh			50.3	50.3	Trúng tuyển
84	Trần Minh	Sang	77	14	3	1997		Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Tin học			72.0	72.0	Trúng tuyển
85	Phạm Quang	Nghĩa	78	21	6	1994		Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Giáo viên dạy Toán			69.3	69.3	Trúng tuyển
86	Trần Thị Hồng	Phấn	82	15	8	1996	x	Trường Trung học cơ sở Hiệp Phước	Văn thư			73.0	73.0	Trúng tuyển
87	Trần Đào Lê Mỹ	Thùy	83	8	9	1991	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Lịch sử			72.0	72.0	Trúng tuyển
88	Nguyễn Duy	Trường	84	15	3	2000		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Lịch sử			69.0	69.0	Không trúng tuyển
89	Nguyễn Xuân	Hải	88	10	1	1984		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Tiếng Anh			59.0	59.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
90	Võ Minh	Luân	89	1	1	1990		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Âm nhạc			58.0	58.0	Trúng tuyển
91	Phạm Ngọc	Anh	86	11	10	1987		Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Thể dục			53.0	53.0	Trúng tuyển
92	Nguyễn Quỳnh	Hương	85	18	12	1993	x	Trường Trung học cơ sở Lê Thành Công	Giáo viên dạy Ngữ văn			50.0	50.0	Trúng tuyển
93	Nguyễn Thị	Lý	91	2	6	1996	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Ngữ văn			65.0	65.0	Trúng tuyển
94	Lưu Xuân	Vinh	90	15	6	1984		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Ngữ văn	ĐT2	5	50.0	55.0	Trúng tuyển
95	Trần Thị Quỳnh	Như	92	22	4	2001	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Sinh học			85.7	85.7	Trúng tuyển
96	Nguyễn Văn	Tân	93	8	1	2001		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Sinh học			85.0	85.0	Trúng tuyển
97	Lê Thị Hải	Lý	95	28	5	1997	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Tiếng Anh			88.0	88.0	Trúng tuyển
98	Nguyễn Lê Tiến	Phát	94	15	10	2001		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Tiếng Anh			73.3	73.3	Trúng tuyển
99	Nguyễn Châu Tuấn	Sang	98	27	9	2000		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán			85.0	85.0	Trúng tuyển
100	Trần Hoàng	Khoa	96	11	8	2001		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán			82.7	82.7	Trúng tuyển
101	Tạ Hoàng	Bảo	97	17	9	1998		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán			63.7	63.7	Trúng tuyển
102	Nguyễn Thị Đông	Thảo	99	27	10	1984	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán			57.3	57.3	Không trúng tuyển
103	Đỗ Thị Thanh	Thảo	100	19	9	2001	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Giáo viên dạy Toán			46.3	46.3	Không trúng tuyển
104	Phan Thanh	Bình	101	16	9	1984		Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Thủ quỹ	ĐT2	5	60.0	65.0	Trúng tuyển
105	Ngô Thị Ngọc	Quyên	102	27	8	1982	x	Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưu	Thủ quỹ			47.0	47.0	Không trúng tuyển
106	Huỳnh Thị	Thúy	103	25	3	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Giáo dục công dân			70.0	70.0	Trúng tuyển
107	Trần Thị Tuyết	Ngân	104	28	7	2000	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Ngữ văn			83.0	83.0	Trúng tuyển
108	Huỳnh Thị Phương	Kiều	105	27	9	1988	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Ngữ văn			70.0	70.0	Trúng tuyển
109	Lê Huỳnh	Kim	106	6	6	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Ngữ văn			58.0	58.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
110	Nguyễn Trung	Tín	107	17	9	2001		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Tiếng Anh			96.0	96.0	Trúng tuyển
111	Lê Nguyễn Thanh	Liêm	110	19	6	2000		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán			97.0	97.0	Trúng tuyển
112	Trần Thị	Doan	108	11	9	2001	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán			90.0	90.0	Trúng tuyển
113	Phan Văn	Tân	112	29	3	1987		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán			82.0	82.0	Không trúng tuyển
114	Nguyễn Thị	Huyền	109	23	9	1998	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Bình Khiêm	Giáo viên dạy Toán			59.0	59.0	Không trúng tuyển
115	Ngô Thị Thu	Hiền	113	13	3	2000	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Địa lý			85.0	85.0	Trúng tuyển
116	Trần Thị Bích	Hào	121	6	5	1999	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa			85.0	85.0	Trúng tuyển
117	Lưu Li	Dung	120	3	11	1990	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Hóa			51.0	51.0	Không trúng tuyển
118	Nguyễn Thị Yến	Thu	122	15	12	1997	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Ngữ văn			60.0	60.0	Trúng tuyển
119	Nguyễn Minh	Học	123	17	3	1995		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Thể dục			66.3	66.3	Trúng tuyển
120	Dương Đức	Phi	117	18	10	1979		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh			82.0	82.0	Trúng tuyển
121	Hồ Phan Hữu	Toàn	114	19	3	1999		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh			77.0	77.0	Trúng tuyển
122	Trần Nhựt	Minh	115	2	5	2001		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh			76.0	76.0	Trúng tuyển
123	Lê Ngọc	Phượng	116	15	3	1981	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh			68.0	68.0	Trúng tuyển
124	Nguyễn Bá	Phước	118	16	11	1971		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Tiếng Anh			36.0	36.0	Không trúng tuyển
125	Bùi Minh	Châu	124	3	6	2001	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán			81.0	81.0	Trúng tuyển

Stt	Họ và tên		SBD	Ngày, tháng, năm sinh			Nữ	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm dự tuyển	Đối tượng, điểm ưu tiên		Điểm phỏng vấn (điểm trung bình cộng)	Tổng điểm	Kết quả
				Ngày	Tháng	Năm				ĐT ưu tiên	Điểm ưu tiên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=13+12	15
126	Lê Hoàng Thanh	Trúc	126	21	6	1989		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán			80.0	80.0	Trúng tuyển
127	Nông Đức	Huy	128	6	2	1993		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán			62.0	62.0	Trúng tuyển
128	Châu Thị Tuyết	Lan	125	29	11	1993	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Giáo viên dạy Toán			52.0	52.0	Không trúng tuyển
129	Đồng Quang	Phục	130	24	4	1993		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Thị Hương	Y tế			92.0	92.0	Trúng tuyển
130	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	139	28	5	2001	x	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Giáo viên dạy Giáo dục công dân			62.0	62.0	Trúng tuyển
131	Nguyễn Huy	Hải	138	2	4	1986		Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Quý	Giáo viên dạy Tin học			70.0	70.0	Trúng tuyển
132	Nguyễn Hồng	Phương	140	5	3	1991	x	Trường Trung học cơ sở Phước Lộc	Giáo viên dạy Ngữ văn			55.0	55.0	Trúng tuyển
133	Huỳnh Minh	Đặng	142	22	6	1994		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo vụ			97.5	97.5	Trúng tuyển
134	Hà Thị Mộng	Huyền	143	30	7	1998	x	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Giáo vụ			40.5	40.5	Không trúng tuyển
135	Lê Thanh	Tùng	141	11	8	1993		Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Đào tạo nghề, hướng nghiệp	ĐT3	2.5	72.0	74.5	Trúng tuyển

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ

Handwritten signature

